

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	14 - 52
8. Phụ lục	53 - 58

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (tên viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301116791 (số cũ là 059080) đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 16 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1.144.216.690.000 VND

Số cổ phiếu: 114.421.669 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 08 tháng 3 năm 2002 với mã chứng khoán là GMD.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84-8) 38 236 236

Fax : (84-8) 38 235 236

E-mail : info@gemadept.com.vn

Mã số thuế : 0301116791

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp vận tải tàu biển Hữu Nghị	Số 2A - 4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Quảng Ninh	Số 1, đường Cái Lân, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 39 Quang Trung, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Cần Thơ	47/11A Lê Hồng Phong, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Campuchia	Số 193C đại lộ Mao Tse Toung, Chamcamon, Phnom Penh, Campuchia
Chi nhánh Vũng Tàu	Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- **Khai thác cảng:** Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ; cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
- **Logistics:** Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không...
- **Trồng rừng:** Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- **Bất động sản:** Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 1.094.473.090.000 VND lên 1.144.216.690.000 VND do phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/HĐCD2006 ngày 15 tháng 5 năm 2006 và Nghị quyết số 02/HĐCD2010 ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Ngoài ra, Công ty cũng đã chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Sinokor Việt Nam cho đối tác Sinokor Hàn Quốc và chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu của Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo.

Bên cạnh đó, Công ty TNHH MBN-GMD Việt Nam (Gemadept sở hữu 34% vốn) đã giải thể do hết thời hạn hoạt động. Để duy trì hoạt động sản xuất, các bên đối tác đã thành lập Công ty mới là Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi lưu giữ hàng hóa, trong đó Gemadept nắm giữ 49% vốn điều lệ.

Tại ngày 03 tháng 12 năm 2013, Công ty đã thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH xúc tiến thương mại hàng hải bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình Cao ốc văn phòng Trung tâm xúc tiến thương mại hàng hải theo giá trị được định giá bởi đơn vị định giá độc lập.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 58).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 5 năm 2013 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (05% lợi nhuận sau thuế)	5.187.493.887 VND
- Trích Dự phòng tài chính (05% lợi nhuận sau thuế)	5.187.493.887 VND
- Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (05% lợi nhuận sau thuế)	5.187.493.887 VND
- Trích Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị (03% lợi nhuận sau thuế)	3.112.496.332 VND
- Chia cổ tức (1.000 VND/cổ phiếu)	114.421.669.000 VND
Cộng	133.096.646.993 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty thực hiện hợp đồng chuyển nhượng 85% phần vốn góp của Công ty trong tổng số 936.102.000.000 VND vốn điều lệ của Công ty TNHH xúc tiến thương mại hàng hải cho Tập đoàn CJ của Hàn Quốc và 3 công ty con của Tập đoàn này.

Ngày 04 tháng 3 năm 2014 Công ty cũng đã chuyển nhượng toàn bộ số vốn góp tại Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam cho đối tác Schenker (Asia Pacific) Pte., Ltd. (Cộng hòa liên bang Đức).

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên
Ông Vũ Ninh	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Phạm Tiến Tĩnh	Thành viên
Ông Phan Thanh Lộc	Thành viên
Ông Bolat Duisenov	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên
Bà Trần Thanh Thủy	Thành viên
Bà Phan Cẩm Ly	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Gemadept tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014





Số: 0409/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẠN CHUYÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vạn chuyên, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2014, từ trang 07 đến trang 58, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vạn chuyên tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2014



Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0954-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.975.188.814.532	1.929.402.399.565
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	207.150.265.471	236.926.587.737
1.	Tiền	111		206.125.945.471	226.324.337.737
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.024.320.000	10.602.250.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		625.239.108.519	546.587.945.816
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	731.823.673.533	644.361.091.599
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(106.584.565.014)	(97.773.145.783)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.054.111.962.429	1.052.495.710.805
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	330.654.291.854	319.150.861.819
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	109.574.193.827	49.193.243.351
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	625.657.113.748	695.844.242.635
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(11.773.637.000)	(11.692.637.000)
IV.	Hàng tồn kho	140		27.200.148.075	20.236.385.857
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	27.200.148.075	20.236.385.857
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		61.487.330.038	73.155.769.350
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	10.961.885.209	14.730.842.377
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.494.688.292	1.472.818.986
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.25	2.000.551.752	605.579.432
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	47.030.204.785	56.346.528.555

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		4.201.531.000.088	3.195.141.192.985
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		37.000.000.000	37.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218	V.11	37.000.000.000	37.000.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		423.443.427.524	536.506.406.187
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.12	385.350.420.829	483.466.936.692
<i>Nguyên giá</i>		222		934.739.799.585	1.014.109.831.692
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(549.389.378.756)	(530.642.895.000)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.13	5.633.967.095	12.856.247.975
<i>Nguyên giá</i>		228		11.359.490.023	17.492.719.327
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(5.725.522.928)	(4.636.471.352)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.14	32.459.039.600	40.183.221.520
III. Bất động sản đầu tư		240	V.15	-	227.310.035.803
<i>Nguyên giá</i>		241		-	279.448.439.795
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		242		-	(52.138.403.992)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		3.696.508.076.782	2.350.525.680.978
1. Đầu tư vào công ty con		251	V.16	2.803.737.274.505	1.310.987.722.752
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252	V.17	728.915.081.279	807.526.222.779
3. Đầu tư dài hạn khác		258	V.18	315.570.041.600	391.355.943.094
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259	V.19	(151.714.320.602)	(159.344.207.647)
V. Tài sản dài hạn khác		260		44.579.495.782	43.799.070.017
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.20	518.967.111	643.192.897
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		749.631.551	-
3. Tài sản dài hạn khác		268	V.21	43.310.897.120	43.155.877.120
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		6.176.719.814.620	5.124.543.592.550

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		1.572.961.685.492	1.230.421.828.035
I. Nợ ngắn hạn		310		790.615.424.347	755.387.401.014
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.22	441.102.201.993	375.702.950.711
2. Phải trả người bán		312	V.23	107.484.643.790	93.275.893.156
3. Người mua trả tiền trước		313	V.24	20.878.878.372	24.023.852.801
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.25	41.565.670.693	2.872.921.877
5. Phải trả người lao động		315	V.26	8.861.694.590	8.134.906.847
6. Chi phí phải trả		316	V.27	42.257.550.569	16.174.003.633
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.28	127.940.410.082	233.627.937.776
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320	V.29	524.374.258	1.574.934.213
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.30	-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		782.346.261.145	475.034.427.021
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	V.31	1.541.101.627	21.145.684.163
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.32	692.326.571.430	453.888.742.858
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335	V.33	88.478.588.088	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		4.603.758.129.128	3.894.121.764.516
I. Vốn chủ sở hữu		410		4.603.758.129.128	3.894.121.764.516
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.34	1.144.216.690.000	1.094.473.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.34	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413	V.34	69.388.382.902	69.388.382.902
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.34	34.616.898.799	29.429.404.912
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419	V.34	31.502.833.892	26.315.340.005
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.34	852.558.849.135	203.041.072.297
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		6.176.719.814.620	5.124.543.592.550

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.455.701.880	2.159.146.545
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		467.467,75	572.666,55
Euro (EUR)		128,33	1.082,04
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	1.012.065.793.759	1.193.735.003.816
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	1.012.065.793.759	1.193.735.003.816
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	951.036.492.739	1.150.586.376.665
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61.029.301.020	43.148.627.151
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	329.352.835.713	212.749.509.757
7. Chi phí tài chính	22	VL4	103.976.359.651	144.785.788.816
Trong đó: chi phí lãi vay	23		71.898.493.870	73.091.096.038
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	6.397.878.922	4.962.898.686
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	69.090.794.987	86.728.831.860
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		210.917.103.173	19.420.617.546
11. Thu nhập khác	31	VL7	716.236.545.454	139.735.004.634
12. Chi phí khác	32	VL8	16.164.994.546	109.889.540.561
13. Lợi nhuận khác	40		700.071.550.908	29.845.464.073
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		910.988.654.081	49.266.081.619
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.25	40.645.273.713	11.799.639.543
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		87.728.956.537	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>782.614.423.831</u>	<u>37.466.442.076</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014


 Trương Như Nguyễn
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		910.988.654.081	49.266.081.619
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, 13, 15	79.033.828.807	91.210.482.452
- Các khoản dự phòng	03	V.3, 7, 19	1.262.532.186	(304.298.834)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	10.099.443.252	(2.609.177.196)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.024.577.811.256)	(223.162.523.496)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	71.898.493.870	73.091.096.038
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		48.705.140.940	(12.508.339.417)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.937.108.333	303.134.551.711
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.963.762.218)	30.607.509.629
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.369.978.166)	(181.816.733.764)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.156.135.496	7.287.670.076
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.27; VI.4	(43.660.287.107)	(72.626.198.578)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.25	(4.468.233.850)	(15.052.572.160)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		13.812.460.910	23.658.477.537
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(29.541.182.523)	(25.846.216.011)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.392.598.185)	56.838.149.023
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.890.321.497)	(2.240.157.498)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7, 8	25.549.269.315	123.000.897.917
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(106.851.100.000)	(156.460.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		62.000.000.000	206.905.753.859
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(558.353.687.500)	(478.230.778.630)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		208.064.768.226	4.593.015.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6; VI.3	234.297.088.546	214.832.420.273
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(142.183.982.910)	(87.598.849.079)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.34	49.743.600.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.22, 32	794.875.262.265	1.071.201.867.200
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.22	(616.564.352.079)	(1.003.450.842.098)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(104.639.975.050)	(65.474.789.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		123.414.535.136	2.276.235.502
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(30.162.045.959)	(28.484.464.554)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	236.926.587.737	265.372.942.880
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		385.723.693	38.109.412
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	207.150.265.471	236.926.587.737

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

3. **Ngành nghề kinh doanh** :

Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ; cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. **Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 310 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 306 nhân viên).

5. **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 1.094.473.090.000 VND lên 1.144.216.690.000 VND do phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/HĐCD2006 ngày 15 tháng 5 năm 2006 và Nghị quyết số 02/DHCD2010 ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Ngoài ra, Công ty cũng đã chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Sinokor Việt Nam cho đối tác Sinokor Hàn Quốc và chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu của Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo.

Bên cạnh đó, Công ty TNHH MBN-GMD Việt Nam (Gemadept sở hữu 34% vốn) đã giải thể do hết thời hạn hoạt động. Để duy trì hoạt động sản xuất, các bên đối tác đã thành lập Công ty mới là Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi lưu giữ hàng hóa, trong đó Gemadept nắm giữ 49% vốn điều lệ.

Ngày 03 tháng 12 năm 2013, Công ty đã thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH xúc tiến thương mại hàng hải bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình Cao ốc văn phòng Trung tâm xúc tiến thương mại hàng hải theo giá trị được định giá bởi đơn vị định giá độc lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định

Nhà cửa, vật kiến trúc

Số năm

25

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

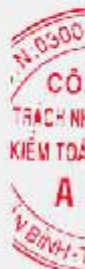
9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trang trí nội thất

Chi phí trang trí nội thất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012: 20.809 VND/USD
27.365 VND/EUR
16.866 VND/SGD
6.759 VND/MYR
240 VND/JPY
2.662 VND/HKD
33.469 VND/GBP
31/12/2013: 21.073 VND/USD
28.892 VND/EUR
16.497 VND/SGD
6.368 VND/MYR
199 VND/JPY
2.671 VND/HKD

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.749.013.350	3.771.117.465
Tiền gửi ngân hàng	200.259.776.564	220.620.482.927
Tiền đang chuyển	2.117.155.557	1.932.737.345
Các khoản tương đương tiền ⁽¹⁾	1.024.320.000	10.602.250.000
Cộng	<u>207.150.265.471</u>	<u>236.926.587.737</u>

⁽¹⁾ Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	144.874.867.330	161.524.867.330
- Công ty cổ phần khoáng sản Mangan	14.234.321.100	14.234.321.100
- Công ty cổ phần vận tải biển Việt Nam	-	19.800.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt ⁽ⁱ⁾	94.971.030.000	94.971.030.000
- Công ty cổ phần thép Thủ Đức	31.490.628.000	31.490.628.000
- Công ty cổ phần cơ điện Thủ Đức ⁽ⁱⁱ⁾	3.150.000.000	-
- Các công ty khác	1.028.888.230	1.028.888.230
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link (xem thuyết minh số V.17)	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	104.548.806.203	436.224.269
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm	372.256.203	436.224.269
- Cho vay ngắn hạn	104.176.550.000	-
Cộng	731.823.673.533	644.361.091.599

(i) Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt đang bị phong tỏa với số lượng là 6.800.000 cổ phiếu.

(ii) Cổ phiếu Công ty cổ phần cơ điện Thủ Đức tăng do chuyển từ đầu tư dài hạn khác.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(97.773.145.783)	(152.689.541.964)
Trích lập dự phòng bổ sung	(8.811.419.231)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	54.916.396.181
Số cuối năm	(106.584.565.014)	(97.773.145.783)

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	328.278.291.854	316.872.415.209
Dịch vụ cho thuê tài sản	2.376.000.000	2.278.446.610
Cộng	330.654.291.854	319.150.861.819

Các khoản phải thu khách hàng được dùng để đảm bảo các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với giá trị là 23.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.22).

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH cảng Phước Long	4.558.811.292	-
Các nhà cung cấp khác	105.015.382.535	49.193.243.351
Cộng	109.574.193.827	49.193.243.351

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	29.170.733.788	14.950.773.013
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.000.000.000	3.200.000.000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	568.243.866.794	571.535.169.870
- Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl) – chi hộ dự án cao su	252.223.182.678	219.037.148.253
- Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương (Pacific Lotus) – chi hộ dự án cao su	4.412.496.543	35.112.919.319
- Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam – hợp tác kinh doanh theo nội dung hợp đồng	35.000.000.000	35.000.000.000
- Công ty TNHH cảng Phước Long – tiền hỗ trợ vốn, chi hộ	120.008.688.893	140.565.300.184
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất – tiền hỗ trợ vốn	32.000.000.000	54.200.000.000
- Gemadept (Singapore) Ltd. – tiền chi hộ	54.177.012.754	38.927.878.445
- Grand Pacific Shipping – tiền chi hộ	1.191.574.049	2.669.659.783
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ – tiền hỗ trợ vốn	-	8.700.000.000
- Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ – tiền hỗ trợ vốn, chi hộ	20.293.670.208	6.400.000.000
- Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept – tiền hỗ trợ vốn	18.000.000.000	21.270.193.418
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền chi hộ	19.174.209	1.193.727.457
- Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn liên hiệp vận chuyển – tiền chi hộ	6.128.187.500	6.128.187.500
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	22.079.115.607	-
- Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương (Paruco)	1.001.163.043	-
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	1.709.601.310	2.330.155.511
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.446.300.000	91.690.071.930
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	-	275.801.222
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà – tiền hỗ trợ vốn	-	1.600.000.000
Các khoản phải thu khác	10.796.213.166	12.592.426.600
- Phải thu công nhân viên tiền lãi vay	4.224.454.609	4.478.250.340
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	546.902.189	2.177.618.427
- Bảo hiểm xã hội phải thu	721.055.501	-
- Phải thu thanh lý hợp đồng Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao - Transvina	4.622.341.406	-
- Các khoản phải thu khác	681.459.461	5.936.557.833
Cộng	625.657.113.748	695.844.242.635

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 03 năm trở lên	(773.637.000)	(692.637.000)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
Cộng	(11.773.637.000)	(11.692.637.000)

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(11.692.637.000)	(829.059.322)
Trích lập dự phòng bổ sung	(81.000.000)	(12.141.093.593)
Xóa nợ do Công ty cổ phần Sư Tử Chúa đã giải thể	-	1.277.515.915
Số cuối năm	(11.773.637.000)	(11.692.637.000)

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhiên liệu trên tàu	25.223.902.755	20.236.385.857
Hàng hóa	1.976.245.320	-
Cộng	27.200.148.075	20.236.385.857

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê tàu	6.339.000.000	5.643.000.000
Chi phí sửa chữa	1.407.629.170	5.637.669.368
Chi phí bảo hiểm	966.582.449	1.362.803.572
Công cụ, dụng cụ	1.695.890.313	1.523.139.645
Chi phí khác	552.783.277	564.229.792
Cộng	10.961.885.209	14.730.842.377

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	42.248.916.017	50.940.100.287
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	4.781.288.768	5.406.428.268
Cộng	47.030.204.785	56.346.528.555

11. Phải thu dài hạn khác

Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sông Hảng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	37.000.000.000	37.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thông tin về tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được định giá.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 345.531.537.709 VND và 183.958.015.905 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn (xem thuyết minh số V.22 và V.32). Ngoài ra, Công ty cũng dùng tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 31.679.789.600 VND và 27.195.309.250 VND thế chấp ngân hàng để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH cảng Phước Long (xem thuyết minh số VIII.1).

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.352.483.410	10.140.235.917	17.492.719.327
Tăng trong năm	-	198.265.000	198.265.000
Thanh lý, nhượng bán	(1.745.280.000)	-	(1.745.280.000)
Chuyển đi góp vốn	(4.356.800.000)	(214.040.000)	(4.570.840.000)
Chuyển chi phí trả trước	-	(15.374.304)	(15.374.304)
Số cuối năm	1.250.403.410	10.109.086.613	11.359.490.023
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	313.076.907	313.076.907
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	4.636.471.352	4.636.471.352
Khấu hao trong năm	-	1.254.746.761	1.254.746.761
Chuyển đi góp vốn	-	(152.945.277)	(152.945.277)
Chuyển chi phí trả trước	-	(12.749.908)	(12.749.908)
Số cuối năm	-	5.725.522.928	5.725.522.928
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.352.483.410	5.503.764.565	12.856.247.975
Số cuối năm	1.250.403.410	4.383.563.685	5.633.967.095
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (xem thuyết minh số V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	32.661.615.601	59.479.500	(138.785.500)	(123.270.001)	32.459.039.600
XDCB dở dang	7.521.605.919	-	-	(7.521.605.919)	-
- Chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091	-	-	(2.694.479.091)	-
- Dự án khu công nghiệp công nghệ cao Gemadept	3.658.444.173	-	-	(3.658.444.173)	-
- Các dự án khác	1.168.682.655	-	-	(1.168.682.655)	-
Cộng	40.183.221.520	59.479.500	(138.785.500)	(7.644.875.920)	32.459.039.600

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị là 31.799.789.600 VND đã được thế chấp ngân hàng để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH cảng Phước Long (xem thuyết minh số VIII.1).

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Cao ốc văn phòng Trung tâm xúc tiến thương mại hàng hải tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	Nhà cửa vật kiến trúc
Nguyên giá	
Số đầu năm	279.448.439.795
Chuyển góp vốn bằng tài sản	(279.448.439.795)
Số cuối năm	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	52.138.403.992
Khấu hao trong năm	10.947.263.117
Chuyển góp vốn bằng tài sản	(63.085.667.109)
Số cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	227.310.035.803
Số cuối năm	-

Bất động sản đầu tư được dùng để cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	79.653.915.518	85.665.905.207
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	27.717.171.104	28.436.935.674
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Số cuối năm	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	78,60	78,60	39.780.000.000	39.780.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M ^(iv)	100,00	100,00	7.500.000.000	5.000.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.	100,00	100,00	15.206.200.000	15.206.200.000
Gemadept (Singapore) Ltd.	100,00	100,00	15.207.300.000	15.207.300.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội ⁽ⁱ⁾	55,00	3,35	2.343.651.753	6.600.000.000
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000	1.637.304.000
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	100,00	100,00	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	51,00	72.126.807.812	72.126.807.812
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	100,00	23,92	23.924.332.310	23.924.332.310
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ⁽ⁱⁱ⁾	46,00	46,00	27.600.000.000	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải ⁽ⁱⁱⁱ⁾	99,98	99,98	424.383.000.000	424.383.000.000
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	100,00	21,82	2.182.000.000	2.182.000.000
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	100,00	50,00	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	12,32	73.900.000.000	52.271.000.000
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	66,98	380.765.628.630	313.869.778.630
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	24,19	251.253.600.000	-
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ ^(v)	35,00	54,66	218.625.450.000	-
Công ty TNHH xúc tiến thương mại hàng hải ^(vi)	100,00	100,00	936.102.000.000	-
Cộng			2.803.737.274.505	1.310.987.722.752

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Vốn đầu tư vào Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội giảm do Công ty này giám vốn điều lệ.
- (ii) Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadept trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.
- (iii) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Nam Hải đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay dài hạn (xem thuyết minh số V.32).
- (iv) Tăng do góp vốn bổ sung.
- (v) Trong năm Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ với số tiền là 113.625.450.000 VND. Khoản đầu tư này được chuyển từ Công ty liên doanh, liên kết sang.
- (vi) Công ty góp vốn vào Công ty TNHH xúc tiến thương mại hàng hải bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình Cao ốc văn phòng Trung tâm xúc tiến thương mại hàng hải.

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Số cuối năm	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00	45,00	42.761.600.000	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000	9.642.000.000
Công ty MBN - GMD Việt Nam ⁽ⁱ⁾	-	-	-	1.534.080.000
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam ⁽ⁱ⁾	49,00	49,00	5.110.700.000	-
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hào ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	-	32.206.940.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm ^(iv)	40,00	11,14	18.464.608.143	18.264.608.143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,00	38,03	23.236.200.000	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	49,00	49,00	11.882.010.000	11.882.010.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn ^(iv)	29,43	29,43	141.250.000.000	86.250.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	25,00	25,00	29.375.000.000	29.375.000.000
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	-	2.319.909.000
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000	49.825.280.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link ⁽ⁱⁱⁱ⁾	41,67	41,67	351.750.000.000	351.750.000.000
Công ty Golden Globe Co., Ltd ^(iv)	40,00	21,84	45.617.683.136	43.478.595.636
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ ^(v)	-	-	-	105.000.000.000
Cộng			728.915.081.279	807.526.222.779

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Công ty TNHH MBN-GMD Việt Nam (Gemadept sở hữu 34% vốn) đã giải thể do hết thời hạn hoạt động. Để duy trì hoạt động sản xuất, các bên đối tác đã thành lập Công ty mới là Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi lưu giữ hàng hóa, trong đó Gemadept nắm giữ 49% vốn điều lệ.
- (ii) Giảm do chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp.
- (iii) Công ty cổ phần Gemadept đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept –Terminal Link với tỷ lệ là 41,67% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển nhượng 25 % cổ phần trong công ty này trong thời gian sắp tới. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” với tỷ lệ góp vốn là 16,67% và khoản mục “Đầu tư ngắn hạn” với tỷ lệ góp vốn là 25% (xem thuyết minh số V.2).
- (iv) Tăng do góp vốn bổ sung.
- (v) Trong năm Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ với số tiền là 113.625.450.000 VND. Khoản đầu tư này được chuyển sang trình bày khoản đầu tư vào Công ty con.

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	168.734.041.600	171.884.041.600
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải ⁽ⁱ⁾	165.581.032.000	165.581.032.000
- Công ty cổ phần vận tải đa phương thức	3.153.009.600	3.153.009.600
- Công ty cơ điện Thủ Đức ⁽ⁱ⁾	-	3.150.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	53.376.000.000	66.011.901.494
- Công ty TNHH vận chuyển hàng công nghệ cao	-	12.635.901.494
- Dự án cao ốc văn phòng Falcon Hà Đông	32.500.000.000	32.500.000.000
- Các công ty khác	20.876.000.000	20.876.000.000
Cho vay dài hạn	93.460.000.000	153.460.000.000
- Cho Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept vay với thời hạn 05 năm và lãi suất 9,8%/năm	68.460.000.000	103.460.000.000
- Cho Công ty cổ phần Cảng Nam Hải vay với thời hạn 05 năm và lãi suất 9,8%/năm	25.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	315.570.041.600	391.355.943.094

- (i) Cổ phiếu Công ty cơ điện Thủ Đức giảm do chuyển sang đầu tư ngắn hạn.
- (ii) Toàn bộ cổ phiếu này được cầm cố để đảm bảo các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam (xem thuyết minh số V.22).

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	46.307.972.560	47.990.971.240
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	54.543.757.754	65.856.891.972
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	45.862.590.287	40.745.532.449
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	5.000.000.000	4.750.811.986
Cộng	151.714.320.602	159.344.207.647

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(159.344.207.647)	(117.573.203.893)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(42.471.003.754)
Điều chỉnh dự phòng do Công ty cổ phần Sư Từ	-	700.000.000
Chúa đã giải thể	7.629.887.045	-
Hoàn nhập dự phòng	(151.714.320.602)	(159.344.207.647)
Số cuối năm	(151.714.320.602)	(159.344.207.647)

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí trang trí nội thất	643.192.897	-	(335.578.896)	307.614.001
Phần mềm kế toán	-	121.550.000	(45.581.247)	75.968.753
Chi phí khác	-	191.791.148	(56.406.791)	135.384.357
Cộng	643.192.897	313.341.148	(437.566.934)	518.967.111

21. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	-	832.360.000
Ký quỹ thuê tàu	42.146.000.000	41.618.000.000
Ký quỹ hợp đồng bảo lãnh	842.920.000	416.180.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	321.977.120	289.337.120
Cộng	43.310.897.120	43.155.877.120

22. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	163.040.063.684	219.182.172.339
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(v)	25.346.654.334	60.380.628.789
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(vi)	54.566.476.072	131.740.624.698
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(vii)	28.812.229.865	13.282.589.203
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 2	-	13.778.329.649
- Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam ^(viii)	54.314.703.413	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	226.633.566.883	105.092.206.944
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link ^(ix)	226.633.566.883	103.086.206.944
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội	-	2.006.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.32)	51.428.571.426	51.428.571.428
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	12.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	39.428.571.426	39.428.571.428
Cộng	441.102.201.993	375.702.950.711

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa, khai thác cảng và logistics. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 41 Quang Trung, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 1/1 Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu;
 - Các tàu Phước Long 28, 30, 32, 34.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để hỗ trợ cho các nhu cầu mua nhiên liệu và thanh toán các thư tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và các Tàu Phước Long 16, 18, 20, 22, 24, 26.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:
- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại đường Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
 - Cầm cố 13.868.960 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải.
- (v) Khoản vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Chênh lệch lệ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Tăng khác	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngắn hàng	219.182.172.339	509.218.862.265	-	(225.190.272)	(565.135.780.649)	-	163.040.063.684
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	105.092.206.944	-	-	2.694.218.596	-	118.847.141.343	226.633.566.883
Vay dài hạn đến hạn trả	51.428.571.428	-	51.428.571.428	-	(51.428.571.430)	-	51.428.571.426
Cộng	375.702.950.711	509.218.862.265	51.428.571.428	2.469.028.325	(616.564.352.079)	118.847.141.343	441.102.201.993

23. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	7.373.597.036	6.105.581.463
- Công ty TNHH cảng Phước Long	6.614.873.380	3.708.275.015
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	405.192.077	1.630.944.491
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải	353.531.579	71.138.815
- Các công ty con, liên kết, hợp tác khác	-	695.223.142
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	100.111.046.754	87.170.311.693
Cộng	107.484.643.790	93.275.893.156

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**24. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng ứng trước cho hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	18.772.458.956	2.513.433.385
Khách hàng ứng trước để thuê tài sản	2.106.419.416	21.510.419.416
Cộng	20.878.878.372	24.023.852.801

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Việt Nam**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa ⁽ⁱ⁾	931.984.483	25.043.802.384	(27.665.474.508)	(1.689.687.641)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	686.466.082	(653.789.438)	32.676.644
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	198.300.688	(198.300.688)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	30.938.074	(30.938.074)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ⁽ⁱ⁾	(605.579.432)	40.050.980.343	(3.876.823.859)	35.568.577.052
Thuế thu nhập cá nhân	339.479.400	7.639.727.817	(4.553.200.879)	3.426.006.338
Thuế môn bài ⁽ⁱ⁾	-	8.000.000	(8.900.000)	(900.000)
Các loại thuế khác	1.516.081.538	20.394.000.047	(19.769.894.872)	2.140.186.713
- Thuế cược	-	274.578.321	(274.578.321)	-
- Thuế nhà thầu	1.516.081.538	20.032.595.608	(19.098.526.322)	2.450.150.824
- Thuế khác ⁽ⁱ⁾	-	86.826.118	(396.790.229)	(309.964.111)
Cộng	2.181.965.989	94.052.215.435	(56.757.322.318)	39.476.859.106

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bao gồm:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 39.417.802.529 VND

- Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu theo Quyết định số 309/QĐ-TCT ngày 19 tháng 02 năm 2013 633.177.814 VND

⁽ⁱ⁾ Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước".**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 25% xuống còn 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và bằng 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Thuế và các khoản phải nộp phát sinh tại Chi nhánh Campuchia**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	85.376.456	594.293.370	(591.409.991)	88.259.835
Cộng	85.376.456	594.293.370	(591.409.991)	88.259.835

Thuế giá trị gia tăng

Chi nhánh Campuchia nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi nhánh Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Nếu số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm nhỏ hơn 01% doanh thu thì phải nộp cho cơ quan thuế nước sở tại theo mức là 01% doanh thu.

26. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả công nhân viên.

27. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	37.309.950.744	9.071.743.981
Chi phí khác	4.947.599.825	7.102.259.652
Cộng	42.257.550.569	16.174.003.633

28. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	79.502.846	1.576.439.339
Cổ tức phải trả	10.040.535.950	258.842.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.780.817.111	1.529.041.081
Doanh thu chưa thực hiện	-	4.003.501.857
Tiền bán hàng tồn đọng tại cảng biển	-	1.716.241.909
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	17.075.947.362	12.643.617.567
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	88.442.668.781	201.260.341.398
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link – tiền hỗ trợ vốn	-	120.853.141.332
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền hỗ trợ vốn và các khoản thu hộ	10.097.499.362	10.276.760.911
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept - tiền hỗ trợ vốn	-	10.227.370.790
- Gemadept (Singapore) Co., Ltd. - tiền hỗ trợ vốn	43.458.637.170	43.679.739.392
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – tiền hỗ trợ vốn	10.293.585.975	10.293.585.975
- Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	8.000.000.000	5.000.000.000
- Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	8.279.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH xúc tiến thương mại hàng hải	5.571.624.785	-
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	2.742.321.489	929.742.998
Các khoản phải trả khác	10.520.938.032	10.639.912.625
- Ông Nguyễn Quốc Cường – tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	9.264.678.577
- Các khoản phải trả khác	1.256.259.455	1.375.234.048
Cộng	127.940.410.082	233.627.937.776

29. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	(2.177.618.427)
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	8.299.990.219
Chi quỹ trong năm	(6.669.273.981)
Số cuối năm	(546.902.189)

Số dư được trình bày trên chỉ tiêu “Các khoản phải thu khác” (xem thuyết minh số V.6).

31. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ.

32. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	144.428.571.430	195.857.142.858
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt ⁽ⁱ⁾	36.000.000.000	48.000.000.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	108.428.571.430	147.857.142.858
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P ⁽ⁱⁱⁱ⁾	547.898.000.000	258.031.600.000
Cộng	692.326.571.430	453.888.742.858

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt để mua tàu Bunga Mas Tujuh, thời hạn 10 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để góp vốn vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iii) Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P. theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012, chi tiết như sau:
- Hạn mức vay : USD 40,000,000
- Thời gian ân hạn : 05 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ.
- Trả gốc : Tại thời điểm bất kỳ sau 01 năm kể từ ngày hợp đồng này được ký hợp lệ, bên cho vay có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ và theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, sẽ chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay (bao gồm gốc và lãi) chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.
- Lãi suất : Lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay trong thời hạn vay là 6%/năm.
- Mục đích vay :
 - Giải ngân lần 1: Dự án phát triển dịch vụ Logistics; Đầu tư vào dự án Cảng Nam Hải - Đình Vũ.
 - Giải ngân lần 2: Đầu tư xe tải nhỏ; Thực hiện dự án tại Campuchia: dự án trồng rừng.
 - Giải ngân lần 3,4: Sẽ được nhà đầu tư duyệt khi có đề nghị.
- Tài sản đảm bảo : Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được bên cho vay và bên vay chỉ định nhận tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đại lý nhận tài sản bảo đảm ngày 17 tháng 7 năm 2012, bao gồm:
 - Toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty trong Công ty cổ phần cảng Nam Hải, tương đương 99,98% số cổ phần đã phát hành và đang lưu thông;
 - Toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Vay dài hạn ngân hàng	195.857.142.856	51.428.571.426	144.428.571.430	-
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu	547.898.000.000	-	547.898.000.000	-
Cộng	743.755.142.856	51.428.571.426	692.326.571.430	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	195.857.142.858	-	(51.428.571.428)	-	144.428.571.430
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu	258.031.600.000	285.656.400.000	-	4.210.000.000	547.898.000.000
Cộng	453.888.742.858	285.656.400.000	(51.428.571.428)	4.210.000.000	692.326.571.430

33. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	88.478.588.088	-
Số cuối năm	88.478.588.088	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

34. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm Công ty đã phát hành cổ phiếu phúc lợi cho người lao động cho các năm 2010, 2011 và 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/HĐCD2006 ngày 15 tháng 5 năm 2006 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02- 2010/GMD - HĐCD2010 ngày 29 tháng 6 năm 2010. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu 49.743.600.000 VND tương đương với 4.974.360 cổ phiếu. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 ngày 16 tháng 9 năm 2013 về việc tăng vốn điều lệ này.

Cổ tức

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông với tổng số tiền là 104.639.975.050 VND (năm trước là 65.474.789.600 VND).

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	114.421.669	109.447.309
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	114.421.669	109.447.309
- Cổ phiếu phổ thông	114.421.669	109.447.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	114.421.669	109.447.309
- Cổ phiếu phổ thông	114.421.669	109.447.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	932.411.878.241	1.108.069.098.609
Doanh thu cho thuê văn phòng	79.653.915.518	85.665.905.207
Cộng	1.012.065.793.759	1.193.735.003.816

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	923.319.321.635	1.122.149.440.991
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	27.717.171.104	28.436.935.674
Cộng	951.036.492.739	1.150.586.376.665

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	538.126.678	700.414.740
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	347.882.441	12.560.379.369
Lãi tiền gửi kỳ quỹ	-	114.089.239
Lãi cho vay vốn	24.607.849.839	4.477.414.184
Lãi đầu tư chứng khoán	-	2.280.890.179
Lãi thanh lý công ty liên kết	169.753.490.979	2.221.170.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	131.567.987.383	174.045.269.613
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.609.177.196
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.359.775.871	11.660.750.916
Doanh thu hoạt động tài chính khác	177.722.522	2.079.954.321
Cộng	329.352.835.713	212.749.509.757

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	71.898.493.870	73.091.096.038
Lỗ đầu tư chứng khoán	15.189.243.890	66.594.362.740
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.974.608.138	16.890.516.646
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.099.443.252	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	1.181.532.186	(12.445.392.427)
Chi phí tài chính khác	633.038.315	655.205.819
Cộng	103.976.359.651	144.785.788.816

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	205.486.869	2.449.813.302
Chi phí khác	6.192.392.053	2.513.085.384
Cộng	6.397.878.922	4.962.898.686

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	40.323.877.788	39.300.646.624
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	398.552.506	296.299.128
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.100.376.061	1.098.011.621
Chi phí khấu hao tài sản	5.805.761.541	6.582.880.609
Chi phí dự phòng	81.000.000	12.141.093.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.967.409.805	18.425.020.711
Chi phí khác	3.413.817.286	8.884.879.574
Cộng	69.090.794.987	86.728.831.860

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	26.480.981.862	134.074.409.121
Thu nhập từ việc định giá lại quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình Cao ốc văn phòng Trung tâm xúc tiến thương mại hàng hải Gemadept mang đi góp vốn	685.355.162.949	-
Các khoản thu nhập khác	4.400.400.643	5.660.595.513
Cộng	716.236.545.454	139.735.004.634

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	5.082.225.730	91.453.855.622
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	931.712.547	12.876.352.408
Chi phí dự án khu công nghiệp công nghệ cao Gemadept	3.658.444.173	-
Các khoản chi phí khác	6.492.612.096	5.559.332.531
Cộng	16.164.994.546	109.889.540.561

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	290.448.699.858	374.292.688.898
Chi phí nhân công	89.736.635.111	90.356.399.543
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.033.828.807	91.210.482.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	545.993.209.597	652.905.605.107
Chi phí khác	21.312.793.275	33.512.931.212
Cộng	1.026.525.166.648	1.242.278.107.212

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán tài sản cố định chưa thu tiền	-	33.742.158.796
Lãi tiền gửi kỳ hạn nhập gốc	-	1.937.025.267
Chi phí lãi vay chưa thanh toán	37.309.950.974	9.071.743.981
Cổ tức lợi nhuận được chia chưa thu	14.446.300.000	91.690.071.930
Cần trừ khoản vay với tiền thu hồi khoản góp vốn với Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept		
Nhóm Hội	(2.006.000.000)	-
Góp vốn bằng tài sản	936.102.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết bảo lãnh

Công ty sử dụng 04 cầu Liebherr đang ghi nhận ở tài sản cố định hữu hình (có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 31.679.789.600 VND và 27.195.309.250 VND) và chi phí xây dựng cơ bản dở dang (có giá trị là 31.799.789.600 VND) để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH cảng Phước Long tại Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn. Theo đó Công ty bảo lãnh toàn bộ số dư nợ gốc tối đa 59.097.088.151 VND và số tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số tiền gốc này.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.086.792.000	3.039.302.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	167.580.000	147.294.000
Thu nhập khác	613.435.295	705.494.505
Cộng	3.867.807.295	3.892.090.505

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Công ty con
Gemadept (Malaysia) Ltd.	Công ty con
Gemadept (Singapore) Ltd.	Công ty con
Grand Pacific Shipping Ltd.	Công ty con
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con
Công ty TNHH cảng Phước Long	Công ty con
Công ty TNHH ISS Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH vận tải Liên Ước Việt Nam	Công ty con
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	Công ty con
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	Công ty con
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	Công ty con
Công ty TNHH vận tải hàng hải PO Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ tin học VT Tín	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH xúc tiến thương mại hàng hải	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty Golden Globe Co., Ltd.	Công ty liên kết

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất</i>		
Doanh thu dịch vụ	-	420.224.363
Chi phí dịch vụ	-	47.000.000
Chi hỗ trợ vốn	-	5.600.000.000
<i>Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M</i>		
Lãi góp vốn liên doanh	-	2.494.000.000
Chi hỗ trợ vốn	300.000.000	-
Góp vốn	2.500.000.000	-
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Chi phí dịch vụ đại lý	1.202.571.639	1.913.049.216
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>		
Các khoản chi hộ phải thu	16.123.448.816	66.353.182.980
Chi phí dịch vụ	22.946.423.826	20.812.717.312
Các khoản phải trả do đã được chi hộ mua vật tư, phụ tùng	-	2.823.920.485
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội</i>		
Lãi vay	56.471.207	479.457.071
Thu hồi vốn góp	2.343.651.753	-
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Chi hỗ trợ vốn	109.200.000.000	110.230.000.000
Cho thuê tài sản, thanh lý tài sản cố định	17.641.581.527	45.919.731.636
Chi phí dịch vụ	60.266.507.951	76.745.224.485
Chi hộ	1.527.729.217	2.830.781.521
Ứng trước tiền thuê tài sản	-	21.510.419.416

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

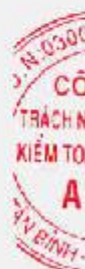
Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept</i>		
Lợi nhuận được chia	13.000.000.000	-
Chi hộ	61.945.503	4.188.611.100
Lãi cho vay	10.194.967.222	3.267.036.889
Chi hỗ trợ vốn	-	120.060.000.000
Doanh thu vận tải	13.010.057.032	14.006.789.507
Chi phí dịch vụ	30.428.102.565	2.353.757.377
Các khoản thu hộ phải trả	963.718.828	3.428.003.799
Lãi góp vốn đầu tư	20.000.000.000	20.000.000.000
<i>Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng</i>		
Thu hộ phải trả	10.915.823.810	16.986.996.151
Doanh thu dịch vụ	57.841.805.886	25.885.877.447
Chi phí dịch vụ	63.203.954.852	64.384.793.611
Chi hộ	-	22.364.996.309
Thu hỗ trợ vốn	-	10.000.000.000
<i>Công ty cổ phần dịch vụ vận tải du lịch Trường Thọ</i>		
Doanh thu cho thuê	4.320.000.000	-
Chi hỗ trợ vốn	16.100.000.000	12.400.000.000
Cổ tức lợi nhuận được chia	5.417.670.208	-
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Doanh thu dịch vụ	5.358.549.670	4.800.000.000
Chi phí dịch vụ	1.867.914.124	1.204.621.817
Lãi cho vay	4.931.305.553	-
Lợi nhuận được chia	94.712.846.483	107.805.248.973
Cho vay	-	50.000.000.000
Tiền bồi thường tổn thất	-	207.563.019
<i>Công ty TNHH công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Góp vốn	21.629.000.000	52.271.000.000
Chi hộ	308.013.000	690.650.043
Thu hỗ trợ vốn	8.279.000.000	-
<i>Công ty TNHH dịch vụ tín học Vĩ Tin</i>		
Chi phí dịch vụ	1.701.000.000	-
Các khoản chi hộ	1.823.806.508	927.554.726
<i>Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương</i>		
Góp vốn	66.895.850.000	313.869.778.630
Chi hộ	9.777.471.229	-
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link</i>		
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.554.367.247	3.396.462.401
Vay ngắn hạn	224.983.141.516	150.130.000.226



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH ISS - Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	-	23.672.964
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ		
Lãi cho vay	4.854.000.459	-
Góp vốn đầu tư	153.625.450.000	105.000.000.000
Cho vay	82.176.550.000	-
Chi hỗ trợ vốn	-	8.700.000.000
Thu hỗ trợ vốn	-	8.000.000.000
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn		
Chi phí dịch vụ	291.222.075	376.550.956
Góp vốn đầu tư	55.000.000.000	-
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu		
Cổ tức được chia	1.735.560.000	-
Công ty Golden Globe Co., Ltd.		
Góp vốn	2.139.087.500	-
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	1.305.309.614	1.299.291.751
Góp vốn	5.110.700.000	-
Cổ tức được chia	2.479.549.578	-
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương		
Góp vốn	251.253.600.000	-
Chi hộ	42.146.000	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công ty còn dùng tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH cảng Phước Long tại Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn với số dư nợ gốc tối đa là 59.097.088.151 VND và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số VIII.1).

Ngoài ra, Công ty liên quan đã thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty tại Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và VI Fund II, L.P (xem thuyết minh số V.22 và V.32).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Phải thu khác	32.000.000.000	54.200.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.		
Phải thu khách hàng	19.103.805.748	11.631.065.927
Gemadept (Singapore) Ltd.		
Phải thu khách hàng	195.778.637.543	204.158.122.365
Lợi nhuận được chia	-	14.566.300.000
Các khoản chi hộ	54.177.012.754	38.927.878.445
Ký quỹ thuê tàu	42.146.000.000	41.220.000.000
Grand Pacific Shipping		
Phải thu khác	1.191.574.049	2.669.659.783
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Phải thu khách hàng	1.739.680	-
Ứng trước tiền dịch vụ	4.558.811.292	-
Các khoản phải thu khác, chi hộ	120.008.688.893	140.565.300.184
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept		
Phải thu khách hàng	858.754.886	295.241.604
Các khoản chi hộ	13.000.000.000	470.193.418
Lợi nhuận được chia	-	20.000.000.000
Cho vay dài hạn	68.460.000.000	103.460.000.000
Phải thu khác	18.000.000.000	20.800.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng		
Phải thu khách hàng	449.472.185	9.085.188.024
Các khoản chi hộ	19.174.209	1.193.727.457
Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ		
Phải thu khác	20.293.670.208	6.400.000.000
Phải thu khách hàng	2.376.000.000	-
Công ty cổ phần cảng Nam Hải		
Phải thu khách hàng	749.467.136	-
Lợi nhuận được chia	-	53.382.788.236
Lãi vay phải trả	-	272.222.222
Phải thu khác	-	207.563.019
Cho vay dài hạn	25.000.000.000	50.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Phải thu khác	210.785.511	66.116.350
<i>Công ty TNHH dịch vụ tín học Vĩ Tín</i>		
Phải thu khác	686.132.607	1.063.326.099
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept</i>		
Phải thu khác	22.079.115.607	-
<i>Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Phải thu khác	1.001.163.043	693.150.043
<i>Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ dự án cao su	252.223.182.678	241.141.626.333
<i>Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương</i>		
Phải thu khác	4.412.496.543	-
<i>Công ty TNHH thương mại quả Cầu Vàng</i>		
Phải thu khác	300.000.000	300.000.000
<i>Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam</i>		
Phải thu khách hàng	534.143.500	534.143.500
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link</i>		
Phải thu khách hàng	269.881.373	14.065.788
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>		
Phải thu khác	-	8.700.000.000
Cho vay	82.176.550.000	-
<i>Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương</i>		
Phải thu do chi hộ	-	35.112.919.319
Cộng nợ phải thu	<u>982.066.259.445</u>	<u>1.061.130.598.116</u>
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Các khoản phải trả khác	980.664.297	929.869.279
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>		
Các khoản thu hộ tàu, mượn tiền	43.458.637.170	43.718.922.902

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Grand Pacific Shipping</i>		
Các khoản phải trả khác	1.475.110.000	-
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội</i>		
Phải trả phí dịch vụ	-	527.402.778
Vay ngắn hạn	-	2.006.000.000
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Phải trả phí dịch vụ	6.614.873.380	3.708.275.015
Nhận ứng trước	2.106.419.416	21.510.419.416
<i>Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept</i>		
Phải trả khác	10.293.585.975	10.293.585.975
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept</i>		
Phải trả khác	-	10.227.370.790
<i>Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng</i>		
Phải trả phí dịch vụ	405.192.077	1.630.944.491
Các khoản phải trả khác, thu hộ phải trả	10.097.499.362	10.276.760.911
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Phải trả phí dịch vụ	353.531.579	71.138.815
<i>Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Phải trả khác	8.279.000.000	-
<i>Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Phải trả khác	8.000.000.000	5.000.000.000
Phải trả dịch vụ	-	420.000
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link</i>		
Phải trả khác	-	120.853.141.332
Vay ngắn hạn	224.983.141.516	103.086.206.944
<i>Công ty TNHH xúc tiến thương mại hàng hải</i>		
Phải trả khác	5.571.624.785	-
Cộng nợ phải trả	<u>322.619.279.557</u>	<u>333.840.039.068</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo loại hình dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Hoạt động logistics: Bao gồm dịch vụ vận tải, cho thuê các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý...
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Cho thuê tòa nhà Lê Thánh Tôn. Công ty cũng đang đầu tư vào tòa nhà phức hợp tại Lào.
- Lĩnh vực khác: hoạt động trồng cao su tại Campuchia.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	671.538.252.489	805.430.933.740
Nước ngoài	340.527.541.270	388.304.070.076
Cộng	1.012.065.793.759	1.193.735.003.816

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong nước	2.733.577.689	3.842.000.797	1.623.038.833.359	1.997.371.822.468
Nước ngoài	-	-	225.550.197.314	230.058.143.287
Cộng	2.733.577.689	3.842.000.797	1.848.589.030.673	2.227.429.965.755

4. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	-	69.186.592.547
Trên 01 năm đến 05 năm	-	56.082.673.424
Cộng	-	125.269.265.971

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng quản lý rủi ro và phòng Kế toán, Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng, cho vay và các khoản phải thu khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng và công ty chứng khoán trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty có liên quan vay tiền. Các đơn vị này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác chủ yếu là các khoản chi hộ các công ty có liên quan, phải thu cổ tức hoặc lợi nhuận được chia và các khoản góp vốn hợp tác thực hiện các dự án. Các đơn vị này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu này là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	207.150.265.471	-	207.150.265.471
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	372.256.203	-	372.256.203
Phải thu khách hàng	318.961.654.854	11.773.637.000	330.654.291.854
Các khoản cho vay	197.636.550.000	-	197.636.550.000
Các khoản phải thu khác	709.481.341.946	-	709.481.341.946
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	32.500.000.000	816.884.908.930	849.384.908.930
Cộng	1.466.102.068.474	828.658.545.930	2.294.679.614.404
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	236.926.587.737	-	236.926.587.737
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	436.224.269	-	436.224.269
Phải thu khách hàng	307.458.224.819	11.692.637.000	319.150.861.819
Các khoản cho vay	153.460.000.000	-	153.460.000.000
Các khoản phải thu khác	779.228.929.596	-	779.228.929.596
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	48.288.911.094	833.531.899.330	881.820.810.424
Cộng	1.525.798.877.516	845.224.536.330	2.371.023.413.846

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	441.102.201.993	692.326.571.430	1.133.428.773.423
Phải trả người bán	107.484.643.790	-	107.484.643.790
Các khoản phải trả khác	170.118.457.805	1.541.101.627	171.659.559.432
Cộng	718.705.303.588	693.867.673.057	1.412.572.976.645
Số đầu năm			
Vay và nợ	375.702.950.711	453.888.742.858	829.591.693.569
Phải trả người bán	93.275.893.156	-	93.275.893.156
Các khoản phải trả khác	266.007.771.845	-	266.007.771.845
Cộng	734.986.615.712	453.888.742.858	1.188.875.358.570

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nhiên liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cung cấp và mua các dịch vụ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, EUR, SGD, MYR, JPY, GBP và HKD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 12.774.871.044 VND (năm trước giảm/tăng 4.206.597.353 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái kỳ này thay đổi nhiều so với năm trước do Công ty có vay dài hạn của (Vietnam Investments) Fund II, L.P.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và SGD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay của Công ty sẽ tăng/giảm 3.861.341.359 VND (năm trước tăng/giảm 4.066.662.186 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR, MYR, JPY, HKD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	(288.443.139.694)	(3.343.333,50)	(258.031.600.000)	(4.953.924,12)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 5.768.862.794 VND (năm trước giảm/tăng 5.160.632.000 VND).

Mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi đến lợi nhuận kế toán trước thuế là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Công ty đang đầu tư tăng 5% thì lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay của Công ty sẽ tăng 10.478.434.097 VND (năm trước tăng 10.004.040.458 VND) và nếu giá các chứng khoán Công ty đang đầu tư giảm 5% thì lợi nhuận trước kế toán trước thuế năm nay của Công ty sẽ giảm 7.798.841.337 VND (năm trước giảm 10.123.447.298 VND).

Rủi ro về giá nhiên liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nhiên liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nhiên liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua nhiên liệu và thực hiện các nghiệp vụ hedging giá dầu một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	23.000.000.000	23.000.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	119.273.059.440	118.810.760.760
Cộng	142.273.059.440	141.810.760.760

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	207.150.265.471	-	236.926.587.737	-	207.150.265.471	236.926.587.737
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	372.256.203	-	436.224.269	-	372.256.203	436.224.269
Phải thu khách hàng	330.654.291.854	(11.773.637.000)	319.150.861.819	(11.692.637.000)	318.880.654.854	307.458.224.819
Các khoản cho vay	197.636.550.000	-	153.460.000.000	-	191.327.640.386	154.244.593.848
Các khoản phải thu khác	709.481.341.946	-	779.228.929.596	-	709.481.341.946	779.228.929.596
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	849.384.908.930	(157.892.537.574)	881.820.810.424	(150.514.929.008)	691.492.371.356	731.305.881.416
Cộng	2.294.679.614.404	(169.666.174.574)	2.371.023.413.846	(162.207.566.008)	2.118.704.530.216	2.209.600.441.685

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ	1.133.428.773.423	829.591.693.569	1.120.127.492.041	812.849.096.909
Phải trả người bán	107.484.643.790	93.275.893.156	107.484.643.790	93.275.893.156
Các khoản phải trả khác	171.659.559.432	266.007.771.845	171.659.559.432	266.007.771.845
Cộng	1.412.572.976.645	1.188.875.358.570	1.399.271.695.263	1.172.132.761.910

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, các khoản phải thu khác, vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty thực hiện hợp đồng chuyển nhượng 85% phần vốn góp của Công ty trong tổng số 936.102.000.000 VND vốn điều lệ của Công ty TNHH xúc tiến thương mại hàng hải cho Tập đoàn CJ của Hàn Quốc và 3 công ty con của Tập đoàn này.

Ngày 04 tháng 3 năm 2014 Công ty cũng đã chuyển nhượng toàn bộ số vốn góp tại Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam cho đối tác Schenker (Asia Pacific) Pte. Ltd. (Cộng hòa liên bang Đức).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	57.890.534.613	123.382.646.179	817.988.273.825	14.848.377.075	1.014.109.831.692	
Mua sắm mới	7.456.000	-	2.105.513.410	37.910.327	2.150.879.737	
Tăng do chuyển đổi báo cáo	-	-	11.612.304	-	11.612.304	
Thanh lý, nhượng bán	(3.005.954.916)	(5.259.548.513)	(11.716.112.591)	(5.985.726.262)	(25.967.342.282)	
Chuyển đi góp vốn	(47.610.772.365)	(5.832.344.262)	-	-	(53.443.116.627)	
Chuyển chi phí trả trước	-	(155.660.564)	-	(1.966.404.675)	(2.122.065.239)	
Số cuối năm	7.281.263.332	112.135.092.840	808.389.286.948	6.934.156.465	934.739.799.585	
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	960.602.908	53.703.988.916	100.134.456.688	5.249.744.179	160.048.792.721	
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	24.821.411.177	116.193.168.345	379.079.704.758	10.548.610.720	530.642.895.000	
Khấu hao trong năm	639.249.068	2.812.074.121	60.212.923.652	3.167.572.088	66.831.818.929	
Tăng do chuyển đổi báo cáo	-	-	7.015.457	-	7.015.457	
Thanh lý, nhượng bán	(1.725.721.436)	(5.016.024.710)	(10.577.968.225)	(5.310.682.181)	(22.630.396.552)	
Chuyển đi góp vốn	(18.319.646.804)	(5.280.570.181)	-	-	(23.600.216.985)	
Chuyển chi phí trả trước	-	(142.990.982)	-	(1.718.746.111)	(1.861.737.093)	
Số cuối năm	5.415.292.005	108.565.656.593	428.721.675.642	6.686.754.516	549.389.378.756	
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	33.069.123.436	7.189.477.834	438.908.569.067	4.299.766.355	483.466.936.692	
Số cuối năm	1.865.971.327	3.569.436.247	379.667.611.306	247.401.949	385.350.420.829	
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	

Nguyễn Minh Nguyệt

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.094.473.090.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	29.429.404.912	26.315.340.005	171.243.015.221	3.862.323.707.440
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	37.466.442.076	37.466.442.076
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(5.668.385.000)	(5.668.385.000)
Số dư cuối năm trước	1.094.473.090.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	29.429.404.912	26.315.340.005	203.041.072.297	3.894.121.764.516
Số dư đầu năm nay	1.094.473.090.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	29.429.404.912	26.315.340.005	203.041.072.297	3.894.121.764.516
Tang vốn trong năm nay	49.743.600.000	-	-	-	-	-	49.743.600.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	782.614.423.831	782.614.423.831
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	(114.421.669.000)	(114.421.669.000)
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	5.187.493.887	5.187.493.887	(18.674.977.993)	(8.299.990.219)
Số dư cuối năm nay	1.144.216.690.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	34.616.898.799	31.502.833.892	852.558.849.135	4.603.758.129.128

Nguyễn Như Nguyễn

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014

Đỗ Văn Minh

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Lĩnh vực hoạt động logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	932.411.878.241	79.653.915.518	-	-	1.012.065.793.759
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	932.411.878.241	79.653.915.518	-	-	1.012.065.793.759
Kết quả kinh doanh theo bộ phận					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(14.459.372.889)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					329.352.835.713
Doanh thu hoạt động tài chính					(103.976.359.651)
Chi phí tài chính					716.236.545.454
Thu nhập khác					(16.164.994.546)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(40.645.273.713)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(87.728.956.537)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(61.540.253.642)	47.080.880.753	-	-	782.614.423.831
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.733.577.689	-	-	-	2.733.577.689
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	68.531.148.080	10.947.263.117	-	-	79.478.411.197
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tông, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực hoạt động logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.108.069.098.609	85.665.905.207	-	-	1.193.735.003.816
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.108.069.098.609	85.665.905.207	-	-	1.193.735.003.816
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(105.110.777.125)	56.567.673.730	-	-	(48.543.103.395)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(48.543.103.395)
Doanh thu hoạt động tài chính					212.749.509.757
Chi phí tài chính					(144.785.788.816)
Thu nhập khác					139.735.004.634
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(109.889.540.561)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(11.799.639.543)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					-
					37.466.442.076
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.644.035.683	1.197.965.114	-	-	3.842.000.797
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	82.271.612.517	12.631.635.344	-	-	94.903.247.861
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực hoạt động logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.587.926.683.023	4.026.668.429	256.635.679.221	-	1.848.589.030.673
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					4.328.130.783.947
Tổng tài sản					6.176.719.814.620
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.482.143.277.649	2.339.819.755	-	-	1.484.483.097.404
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					88.478.588.088
Tổng nợ phải trả					1.572.961.685.492
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.580.688.828.407	267.462.354.330	276.095.446.088	-	2.124.246.628.824
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					3.000.296.963.726
Tổng tài sản					5.124.543.592.550
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.205.166.237.657	22.910.656.164	-	-	1.228.076.893.821
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					2.344.934.214
Tổng nợ phải trả					1.230.421.828.035

Nguyễn Như Nguyễn

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Cho đến tận bây giờ, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 04: Tài sản (Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ

Tại sao? (Cố phải nói) thì làm có gốc người tể của Công ty như sau:

	Số cuối năm					Số giữa năm								
	USD	EUR	SGD	MYR	GBP	JPY	HKD	USD	EUR	SGD	MYR	GBP	JPY	HKD
Tiền và các khoản tương đương tiền	467,467,75	128,33	-	-	-	-	-	572,666,55	1,082,04	-	-	-	-	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	21,078,13	-	-	-	-	-	-	30,963,25	-	-	-	-	-	-
Đến ngày đáo hạn	2,040,048,87	-	11,708,330,27	2,508,621,36	-	-	1,316,772,77	5,152,935,00	-	12,129,304,77	1,696,625,16	-	-	1,182,397,50
Phải thu khách hàng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	13,390,581,23	-	-	-	-	-	-	17,088,200,70	-	-	-	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Vay và nợ	(40,698,022,77)	-	-	-	-	-	-	(72,549,501,61)	-	-	-	-	-	-
Phải trả người bán	(2,057,123,35)	(1,721,40)	(5,168,00)	-	-	(1,257,092,30)	(12,294,48)	(1,991,286,13)	(19,744,07)	(33,242,52)	-	(409,42)	(6,196,035,30)	-
Các khoản phải trả khác	(0,075,022,81)	-	-	-	-	-	-	(8,382,167,13)	-	(40,463,05)	-	-	-	(390,00)
Tài sản (Nợ phải trả) thuần	(30,310,992,84)	(1,593,07)	11,703,162,27	2,908,621,36	-	(1,247,092,30)	1,304,428,29	(10,107,639,37)	(18,662,03)	12,055,799,20	1,696,625,16	(409,42)	(6,096,035,30)	1,182,097,50

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

